

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 348/2024/DS-PT

Ngày: 02-7-2024

V/v tranh chấp hợp đồng liên  
kết.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Vượng.

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Tấn Tạng;

Ông Kiều Kim Xuân.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Bảo Quốc- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp:** Bà Nguyễn Thị Được - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 02/7/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý 215/2024/TLPT-DS ngày 16 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng liên kết.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 11/2024/DS-ST ngày 24 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 371/2024/QĐ-PT ngày 30 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV L; Địa chỉ: Ấp R, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Lê Thanh Hạo N – Chủ tịch.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Huỳnh Đăng S – Chức danh phụ trách pháp lý công nợ theo giấy ủy quyền số 129/UQ-LTTH, ngày 01/3/2022.

*Người được ủy quyền lại:* Ông Trương Công T (hợp đồng ủy quyền

ngày 18/10/2022). (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông **Phạm Minh K**, sinh năm 1963; Địa chỉ: **Ấp E, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp**. (Có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà **Trương Thị P**, sinh năm 1973; Địa chỉ: **Ấp E, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp**. (Có mặt)

3.2. Ông **Trần Thi H**, sinh năm 1989; Địa chỉ: **Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang**. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

3.3. **Công ty cổ phần T2**. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

3.4. **Công ty TNHH T2 (DVNN L)**. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: **Số B, H, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang**.

4. Người kháng cáo: **Công ty TNHH MTV L** - Là nguyên đơn.

#### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- **Công ty TNHH MTV L** ủy quyền cho anh **Trương Công T** trình bày: Ngày 20/9/2021, **công ty TNHH MTV L (Lương thực T)** ký với ông **Phạm Minh K** (đại diện tổ hợp tác **Phạm Minh K**) Hợp đồng liên kết sản xuất lúa số 044.DT103-ĐT2 – V2/01.ĐX2022/HĐ-LKSX để thực hiện việc liên kết sản xuất lúa trên địa bàn canh tác của các hộ nông dân thuộc tổ hợp tác **Phạm Minh K**.

Theo đó, Lương thực Tân Hồng sẽ đầu tư cung ứng phiếu mua vật tư nông nghiệp, dịch vụ nông nghiệp cho nông dân thuộc tổ hợp tác liên kết. Nông dân chịu trách nhiệm tổ chức sản xuất lúa theo hướng dẫn, quy trình và phương thức quản lý của Lương thực Tân Hồng. Khi thu hoạch Lương thực Tân Hồng sẽ thu mua lúa của các nông dân thuộc tổ hợp tác liên kết và thanh toán tiền mua lúa cho các hộ nông dân này sau khi trừ đi các chi phí đầu tư vật tư nông nghiệp, dịch vụ nông nghiệp và các chi phí khác (nếu có).

Việc thanh toán tiền thu mua lúa theo thỏa thuận sẽ được thực hiện giữa **Lương thực T** và đại diện tổ hợp tác là ông **Phạm Minh K** (tổ trưởng).

Theo đó, toàn bộ tiền thu mua lúa của nông dân thuộc tổ hợp tác sau khi trừ đi các chi phí đầu tư vật tư nông nghiệp, dịch vụ nông nghiệp và các chi phí

khác (nếu có) sẽ được Lương thực Tân Hồng thanh toán bằng phương thức chuyển khoản vào tài khoản số 6505267002240 mở tại Ngân hàng N1 chi nhánh T3 do ông Phạm Minh K làm chủ tài khoản. Sau đó, với vai trò là tổ trưởng tổ hợp tác ông Phạm Minh K có trách nhiệm giao lại số tiền mà Lương thực Tân Hồng thanh toán cho từng tổ viên trong tổ hợp tác là các hộ nông dân thuộc tổ hợp tác.

Từ ngày 14/01/2022 đến ngày 13/5/2022, Lương thực T đã thanh toán tiền mua lúa vào tài khoản của ông Phạm Minh K tổng số tiền là 13.784.763.910 đồng.

Sau khi nhận được phản ánh từ các hộ nông dân về việc không nhận được tiền thanh toán thu mua lúa, Lương thực T đã rất nhiều lần liên hệ, xuống trực tiếp nhà gặp gia đình ông K để yêu cầu ông K trả lại số tiền đang chiếm giữ để Lương thực Tân Hồng chi trả tiền lúa cho nông dân nhưng đến nay ông K không trả tiền cho Lương thực Tân Hồng và cũng không giao tiền cho nông dân.

Trước tình hình đó, Lương thực Tân H1 đã vay tiền với tổng số tiền là 950.326.925 đồng sau đó với sự chứng kiến của chính quyền địa phương (UBND xã T), Lương thực Tân Hồng phối hợp với đơn vị cho vay chi trả cho 08 hộ nông dân. Nay công ty yêu cầu: Buộc ông Phạm Minh K, bà Trương Thị P phải liên đới chịu trách nhiệm trả lại cho Công ty TNHH MTV L số tiền là: 950.326.925 đồng. Không yêu cầu tính lãi suất.

- Ông Phạm Minh K trình bày: Ông tham gia sản xuất lúa cho Tập đoàn T2 hơn 10 năm và thời gian đầu công ty cũng cử nhân viên FF xuống làm việc cùng nông dân. Hình thức bán lúa trước đây là lúa thu hoạch xong sẽ được công ty cho ghe chở về nhà máy và cân đo sau đó từ 03 – 05 ngày, nông dân tự lên nhà máy để nhận tiền hoặc nhân viên FF sẽ đi nhận tiền thay cho nông dân.

Năm 2021, ông K thừa nhận có ký hợp đồng liên kết với công ty L. Sau mỗi vụ thu hoạch, công ty giao tiền cho ông thông qua số tài khoản 6505267002240 mở tại Ngân hàng N1 chi nhánh T3. Ông K giao lại cho nhân viên “3 cùng” của công ty là Trần Thi H để giao tiền lại cho các hộ dân.

Tháng 5/2022, ông K giao cho anh H số tiền 950.326.925 đồng để anh H giao lại cho nông dân. Nhưng anh H đã sử dụng số tiền vào mục đích cá nhân.

Tại phiên tòa, ông **K** có yêu cầu phản tố cụ thể như sau: Yêu cầu ông **Trần Thi H** trả số tiền 950.326.925 đồng. Xin rút yêu cầu trả số tiền 89.582.460 đồng và đồng ý trả cho **công ty L** số tiền 950.326.925 đồng.

- Bà **Trương Thị P** trình bày: Không đồng ý cùng ông **K** liên đới trả số tiền 950.326.925 đồng. Vì bà không hợp tác làm ăn gì với **công ty L**.

- Anh **Trần Thi H** trình bày: Đồng ý trả cho ông **K** số tiền đã nhận từ ông **K** 950.326.925 đồng.

- **Công ty cổ phần T2** người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt.

- **Công ty TNHH T2** người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt.

Tại Bản án sơ thẩm số 11/2024/DS-ST ngày 24 tháng 01 năm 2024 của tòa án nhân dân huyện Tháp Mười đã quyết định:

1. Đình chỉ yêu cầu **công ty TNHH MTV L** yêu cầu tính lãi suất chậm trả từ ngày 13/5/2022.

2. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa **Công ty TNHH MTV L** và ông **Phạm Minh K**.

Buộc ông **Phạm Minh K** trả số tiền 950.326.925 đồng cho **Công ty TNHH MTV L**.

3. Không chấp nhận yêu cầu **Công ty TNHH MTV L** buộc bà **Trương Thị P** liên đới với ông **Phạm Minh K** trả số tiền 950.326.925 đồng.

4. Đình chỉ yêu cầu ông **Phạm Minh K** yêu cầu **Công ty TNHH MTV L** và **Trần Thi H** trả số tiền 89.582.460 đồng.

5. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa ông **Phạm Minh K** và ông **Trần Thi H**.

Buộc ông **Trần Thi H** trả số tiền 950.326.925 đồng cho ông **Phạm Minh K**.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền, thì hàng tháng còn chịu lãi suất bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền và thời hạn kháng cáo, quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 03/02/2024, Công ty TNHH MTV L kháng cáo yêu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV L buộc bà Trương Thị P phải có nghĩa vụ liên đới cùng với ông Phạm Minh K trả lại cho Công ty TNHH MTV L số tiền 950.326.925 đồng.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Anh Trương Công T trình bày: Công ty TNHH MTV L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo, không thỏa thuận được với ông K về giải quyết vụ án.

+ Ông Phạm Minh K trình bày: Không đồng ý với yêu cầu của Công ty TNHH MTV L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đều thực hiện đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH MTV L. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên L (gọi tắt là Công ty L) khởi kiện ông Phạm Minh K về tranh chấp hợp đồng liên kết, Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười thụ lý giải quyết là đúng quy định của pháp luật. Công ty L kháng cáo trong thời hạn là hợp lệ. Ông Trương Công T người đại diện hợp pháp của Công ty L, thủ tục ủy quyền phù hợp nên chấp nhận. Công ty cổ phần T2 và Công ty trách nhiệm hữu hạn T2 có đơn xin xét xử vắng mặt nên xét xử theo quy định.

[2] Ông T trình bày, Công ty L có ký hợp đồng với ông Phạm Minh K về việc liên kết sản xuất (Hợp đồng số 044.DT103-DDT2-V2/01.DDX2022/HĐLK SX ngày 20/9/2021) để thực hiện liên kết sản xuất lúa thuộc Tổ hợp tác Phạm Minh K. Theo thỏa thuận thì việc thanh toán tiền thu mua lúa được thực hiện giữa Công ty L và ông K. Từ ngày 14/01/2022 đến ngày 13/5/2022 Công ty L đã thanh toán tiền mua lúa vào tài khoản của ông K tổng cộng 13.784.763.910đ, nhưng ông K không giao tiền cho nông dân nên Công ty trả cho 08 hộ dân có sự chứng kiến của chính quyền địa phương, số tiền là 950.326.925đ. Nay yêu cầu ông K trả số tiền này và không tính lãi.

Ông K thừa nhận việc thỏa thuận ký hợp đồng liên kết số 044.DT103-DDT2-V2/01.DDX2022/HĐLK SX ngày 20/9/2021 và xác nhận Công ty L có chuyển vào tài khoản của ông K số tiền 13.784.763.910đ, đồng thời ông K cũng đã giao tiền lại cho ông Trần Thi H là nhân viên “3 cùng” của Công ty L, nhưng ông T1 không trả tiền cho các hộ dân mà sử dụng vào việc cá nhân. Tuy nhiên, ông K đồng ý trả cho Công ty L số tiền 950.326.925đ, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của Công ty L là phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Đối với việc Công ty L yêu cầu bà Trương Thị P cùng liên đới trách nhiệm với ông K trả tiền: Ông T cho rằng, ông K ký hợp đồng với Công ty L thì ông K cũng được nhận tiền thù lao, chiết khấu của Công ty chi trả cho ông K; ông K cũng đưa đất ruộng vào sản xuất và bán lúa cho Công ty L; bà P là vợ hợp pháp của ông K. Vì vậy vợ chồng phải có trách nhiệm liên đới. Nhận thấy, theo hợp đồng số 044.DT103-DDT2-V2/01.DDX2022/HĐLK SX ngày 20/9/2021 bên A là Công ty L, bên B là Tổ hợp tác Phạm Minh K do ông Phạm Minh K đại diện theo Văn bản ủy quyền của các thành viên Tổ hợp tác ngày 20/9/2021 và giữa Công ty L với Tổ hợp tác ký giấy thỏa thuận hỗ trợ. Nội dung khoản hỗ trợ là Công ty chi trả cho Tổ hợp tác một khoản hỗ trợ theo chính sách của Công ty L. Đồng thời theo nội dung đơn khởi kiện ngày 22/9/2022, cũng nêu rõ là Công ty L ký hợp đồng với đại diện Tổ hợp tác Phạm Minh K. Qua đó cho thấy hoạt động liên kết giữa Công ty và Tổ hợp tác không liên quan đến bà P. Thực tế ông K nhận tiền của công ty L và giao cho ông H để chi trả cho thành viên Tổ hợp tác. Bà P hoàn toàn không có sử dụng tiền nêu trên. Vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của Công ty L, về việc buộc bà P phải có nghĩa vụ liên đới trả tiền là có cơ sở, nên kháng cáo của Công ty L là không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Đại diện Viện kiểm sát Tỉnh đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty L, giữ nguyên quyết định của bản án dân sự sơ thẩm là có cơ sở nên chấp nhận.

Tòa án cấp sơ thẩm xử đã có căn cứ nên giữ nguyên quyết định của bản án dân sự sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty L. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

[5] Án phí phúc thẩm: Công ty L phải chịu số tiền 300.000đ.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 244, Điều 246, Điều 266, Điều 271, Điều 273, khoản 1, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 385 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của công ty TNHH MTV L.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

2. Đình chỉ yêu cầu công ty TNHH MTV L yêu cầu tính lãi suất chậm trả từ ngày 13/5/2022.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa Công ty TNHH MTV L và ông Phạm Minh K.

Buộc ông Phạm Minh K trả số tiền 950.326.925 đồng cho Công ty TNHH MTV L.

Không chấp nhận yêu cầu Công ty TNHH MTV L buộc bà Trương Thị P liên đới với ông Phạm Minh K trả số tiền 950.326.925 đồng.

Đình chỉ yêu cầu ông Phạm Minh K yêu cầu Công ty TNHH MTV L và Trần Thị H trả số tiền 89.582.460 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa ông Phạm Minh K và ông Trần Thị H.

Buộc ông **Trần Thi H** trả số tiền 950.326.925 đồng cho ông **Phạm Minh K**.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền, thì hàng tháng còn chịu lãi theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

### 3. Về án phí:

**Công ty TNHH MTV L** phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ. Nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 20.255.000 đồng theo lai thu số 0008148, ngày 13/10/2022 và 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005336 ngày 22/02/2024. Công ty được nhận lại số tiền 19.655.000 đồng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Ông **Phạm Minh K** được miễn nộp tạm ứng án phí, án phí dân sự do là người cao tuổi. Hoàn trả lại cho ông **K** tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp 2.239.000 đồng theo lai thu số 0016846, ngày 27/12/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tháp Mười.

Ông **Trần Thi H** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 20.254.000 đồng.

Bà **Trương Thị P** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh ĐT;
- TAND huyện Tháp Mười;
- Chi cục THADS huyện Tháp Mười;
- Dương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**Nguyễn Ngọc Vạng**